

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VN
TỈNH KH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN - TỈNH KH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Đỗ Văn Nhã

. Bà Nguyễn Hồng Khánh Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh KH tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T - sinh năm: 1978; trú tại: Thôn NM, xã VT, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N - sinh năm: 1974; trú tại: Thôn NM, xã VT, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 01 năm 2022, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn N: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành N tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1998 và đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 10 năm 1999 tại Ủy ban N dân xã VT, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/99. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do giữa vợ chồng có nhiều bất

đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tôn trọng lẫn nhau; anh Nhận thường xuyên đánh bài bạc không quan tâm chăm sóc gì đến gia đình nên vợ chồng hay cãi vã, xích mích. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo anh N để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng gay gắt nên từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Song N1 - sinh ngày 26/8/1998 và Nguyễn Thanh M - sinh ngày 12/7/2001. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Thành N để trình bày ý kiến về việc chị T khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh N đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của anh N, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành N - hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NM, xã VT, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH. Bị đơn anh Nguyễn Thành N đã được Tòa án nhân dân huyện VN triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh Nguyễn Thành N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị T và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị T và anh N là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 12, quyển số

01/99 ngày 07 tháng 10 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Vạn Thọ, huyện VN, tỉnh KH, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị T thì vợ chồng chị T, anh N hiện nay tuy còn sống chung nhưng vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh N đều không có mặt, chứng tỏ anh N không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T và anh N theo chị T trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau; anh N ham đánh bài bạc không chăm lo gì đến gia đình. Hiện nay, vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành N có 02 (hai) con chung là Nguyễn Song N1 - sinh ngày 26/8/1998 và Nguyễn Thanh M - sinh ngày 12/7/2001. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Bị đơn anh Nguyễn Thành N mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh N.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Các con chung là Nguyễn Song N1 - sinh ngày 26 tháng 8 năm 1998 và Nguyễn Thanh M - sinh ngày 12 tháng 7 năm 2001 đã đủ 18 (mười tám) tuổi, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn N và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003261 ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban N dân xã VT;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Tuyết Mỹ

